

Nhóm 3B. Tên thành viên nhóm:

1. Trần Thị Mai Loan. Trường THCS Võ Trường Toản
3. Nguyễn Thị Kim Thanh. Trường THCS Bình Thắng B

2. Trần Thị Như Ý. Trường THCS An Bình
4. Lê Thị Thanh Hà. Trường THCS Tân Bình

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 7

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Mở đầu về chăn nuôi	1.1 Nghề chăn nuôi ở Việt Nam	2	1,5	2	3					4		4,5	10
		1.2 Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	2	1,5	2	3					4		4,5	10
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh	2.1 Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.	2	1,5	1	1,5					3		3	7,5
		2.2 Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn.	1	0,75							1		0,75	2,5

	cho vật nuôi													
3	Nuôi thủy sản	3.1 Ngành thủy sản ở Việt Nam	4	3							4		3	10
		3.2 Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản	3	2,25	4	6	1	10			7	1	18,25	37,5
		3.3 Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.	2	1,5	3	4,5			1	5	5	1	11	22,5
Tổng			16	12	12	18	1	10	1	5	28	2	45	
Tỉ lệ (%)			40%		30%		20%		10%					100%
Tỉ lệ chung (%)			70%				30%							

Ghi chú:

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).
- Số lượng câu hỏi phân bố trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.
- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.
- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bố ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.
- Tỉ lệ điểm phân bố cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.
- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.
- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

MÔN CÔNG NGHỆ 7

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Mở đầu về chăn nuôi	1.1 Nghề chăn nuôi ở Việt Nam	Nhận biết: - Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. Thông hiểu: - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi	2	2		

		1.2 Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	Nhận biết: - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. Thông hiểu: - So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.	2	2		
--	--	--	---	---	---	--	--

2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	2.1 Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. Thông hiểu: - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	2	1		
		2.2 Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn.	Nhận biết: - Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến.	1			
3	Nuôi thủy sản	3.1 Ngành thủy sản ở Việt Nam	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của thủy sản; - Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.	4			
		3.2 Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản	Nhận biết: - Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh.	3	4	1	

			Thông hiểu: - Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến. Vận dụng: - Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản bằng phương pháp đơn giản.				
--	--	--	--	--	--	--	--

		3.3 Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.	Nhận biết: - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản. Thông hiểu: - Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản. Vận dụng cao: - Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản của địa phương.	2	3		1
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một hoặc một số trong các đơn vị kiến thức.
- Kiểm tra lại sự phù giữa đề kiểm tra và ma trận đề

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ 7
THỜI GIAN: 45 PHÚT

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Hãy chọn đáp án đúng nhất. Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu 1. Đâu không phải là vai trò của ngành chăn nuôi?

- A. Cung cấp thực phẩm
- B. Cung cấp sức kéo
- C. Cung cấp nhiên liệu
- D. Cung cấp nguyên liệu

Câu 2. Theo em công việc phòng, trị bệnh vật nuôi thuộc nhóm nghề nào?

- A. Nhà chăn nuôi
- B. Nhà nuôi trồng thủy sản
- C. Nhà tư vấn thủy sản
- D. Bác sĩ thú y

Câu 3. Nếu từ nhỏ em rất thích chăm sóc chó, mèo và sơ cứu khi nó bị thương thì em có thể phù hợp với nghề nào?

- A. Làm nông
- B. Nuôi bò
- C. Bác sĩ thú y
- D. Nuôi cá

Câu 4. Theo em, đâu không phải là yêu cầu chính đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi:

- A. Có kiến thức nuôi dưỡng
- B. Có năng khiếu ăn nói
- C. Biết sử dụng dụng cụ chăn nuôi
- D. Yêu quý động vật nuôi

Câu 5. Giống lợn có lông lang đen trắng, lưng dài võng xuống là giống lợn nào?

- A. Lợn ỉ
- B. Lợn Móng Cái
- C. Lợn Landrace
- D. Lợn Yorkshire

Câu 6. Phương thức chăn thả có đặc điểm gì?

- A. Vật nuôi được đi lại tự do, có chuồng trại
- B. Vật nuôi được đi lại tự do, không có chuồng trại
- C. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp, có chuồng trại
- D. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp tự kiếm thức ăn

Câu 7. Vì sao gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

- A. Có nhiều cánh đồng cỏ rộng
- B. Do diện tích rộng
- C. Có nhiều sản phẩm phụ nông nghiệp
- D. Do thức ăn dồi dào từ lúa và hoa màu

Câu 8. Người dân ở vùng quê thường dùng phương thức chăn nuôi nào tận dụng thức ăn thừa

- A. Phương thức chăn thả
- B. Phương thức công nghiệp
- C. Phương thức bán chăn thả
- D. Phương thức chăn thả và bán chăn thả

Câu 9: Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non?

- A. Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh.
- B. Chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.
- C. Chức năng sinh sản hoàn chỉnh.
- D. Chức năng miễn dịch chưa tốt.

Câu 10: Biện pháp hữu hiệu để xử lý chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường và góp phần tiết kiệm điện năng là?

- A. Mô hình VAC
- B. Mô hình RVAC
- C. Lắp đặt hầm chứa khí biogas
- D. Làm đệm lót sinh học

Câu 11: Vườn chăn thả gà nên có diện tích tối thiểu khoản bao nhiêu?

- A. 0,5- 1 m²/con
- B. 1- 1,5 m²/con
- C. 1,5 – 2 m²/con
- D. 1,5 - 2 m²/con

Câu 12: Yếu tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi?

- A. Thức ăn, nước uống, môi trường
- B. Vaccin, giống, môi trường.
- C. Vaccin, thức ăn, chăm sóc

D. Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh.

Câu 13: Phát biểu nào dưới đây sai khi nói về vai trò của ngành thủy sản:

- A. Cung cấp thực phẩm cho con người.
- B. Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động
- C. Xuất khẩu thủy sản
- D. Làm vật nuôi cảnh.

Câu 14: Có mấy vai trò của ngành thủy sản?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 15: Có mấy giống tôm đợc nuôi nhiều ở nước ta để xuất khẩu?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 16: Trong các loài cá sau, loài nào có giá trị kinh tế cao ở nước ta?

- A. Cá rô và cá basa
- B. Cá basa và cá tra
- C. Cá Lãng và cá ngừ
- D. Tất cả đều sai.

Câu 17: Thức ăn nhân tạo của thủy sản gồm

- A. Thức ăn thô
- B. Thức ăn viên
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 18: Nên cho tôm cá ăn vào thời gian nào trong ngày?

- A. 6 – 8h sáng.
- B. 7 – 8h tối.
- C. 9 – 11h sáng.
- D. 10 – 12h sáng.

Câu 19: Qui trình công nghệ nuôi thủy sản gồm mấy bước chính

- A. 3

- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 20: Có mấy phýõng pháp thu hoạch thủy sản

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 21: Khi chuẩn bị ao nuôi và xử lí nguồn nước gồm các biện pháp nào?

- A. Thiết kế ao hợp lí
- B. Xử lí đáy ao
- C. Xử lí nước
- D. Tất cả đều đúng

Câu 22: Khi thực hiện thả con giống nên ngâm túi đựng tôm, cá vào trong ao khoảng bao nhiêu phút để nhiệt độ trong túi cân bằng với nhiệt độ môi trường nước ao nuôi?

- A. 10 – 15 phút
- B. 15 – 25 phút
- C. 20 – 30 phút
- D. Từ 30 phút trở lên.

Câu 23: Khi chọn con giống nuôi cần đảm bảo các yếu tố nào?

- A. Kích thýõc đồng đều
- B. Thân hình không bị dị dạng hay trầy xước, màu sắc đẹp
- C. Hoạt động nhanh nhẹn
- D. Tất cả đều đúng

Câu 24: Biện pháp xử lí ao nuôi đối với loại đất nhiều phèn cần

- A. Lót bạt dýõi đáy
- B. Bón nhiều vôi ở đáy
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 25: Các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản là

- A. Xử lí nguồn nýõc
- B. Quản lí nguồn nýõc
- C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai.

Câu 26: Có mấy biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 27: Khi xử lý nguồn nước bằng phương pháp dùng hóa chất clorua vôi (CaOCl_2) nên dùng với nồng độ bao nhiêu để diệt khuẩn

A. 2%.

B. 3%.

C. 4%.

D. 10%.

Câu 28: Đây là hậu quả cho thủy sản và nguồn nước nuôi thủy sản khi sử dụng thức ăn không đúng lượng

A. Tạo điều kiện cho tảo phát triển

B. Làm nước ô nhiễm

C. Thiếu oxygen dẫn đến tôm, cá nuôi dễ bị nhiễm bệnh

D. Tất cả đều đúng

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 29. Nhiệt độ, độ trong của nước được đo bằng phương pháp nào? (1 điểm)

Câu 30. Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản? (2 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 7

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
C	A	C	B	B	B	A	C	C	C
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
A	D	D	D	C	B	C	A	B	C
Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24	Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28		
D	A	D	B	C	D	A	D		

B. PHẦN TỰ LUẬN

1. Nhiệt độ, độ trong của nước được đo bằng phương pháp nào? (1đ)

- Nhiệt độ của nước phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, thời tiết, môi trường của khu vực. Ngoài ra nhiệt độ nước còn phụ thuộc vào phản ứng hóa học, sự phân hủy chất hữu cơ và được đo bằng dụng cụ đo như: nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế điện tử (0,5 đ)

- Độ trong của nước là một trong những tiêu chí để đánh giá độ tốt, xấu của nước nuôi thủy sản được đo dựa vào độ sâu nhìn thấy đĩa secchi (0,5đ)

2. Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản? (1đ)

+ Những việc nên làm: (1đ)

- Xử lý nước thải.
- Dọn rác, làm sạch môi trường nước.
- Tăng cường nghiên cứu khoa học trong nuôi thủy sản.
- Tái tạo nguồn lợi thủy sản.
- Tuyên truyền về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- Bảo tồn hệ sinh thái và nguồn lợi biển.

+ Những việc không nên làm: (1đ)

- Không nên xả rác ra môi trường.
- Đánh bắt bằng xung điện.
- Đánh bắt bằng chất nổ.
- Tàn phá rừng ngập mặn.